

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Khoa học đất và phân bón

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lý Ngọc Thanh Xuân.

2. Ngày tháng năm sinh: 20/11/1980; Nam ☐ ; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 162, đường Nguyễn Tất Thành, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

6. Địa chỉ liên hệ: Số 162, đường Nguyễn Tất Thành, khóm Đông Thịnh 9, phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0914-525-383; E-mail: lntxuan@agu.edu.vn.

7. Quá trình công tác:

Từ tháng 09 năm 2005 đến nay: Giảng viên, công tác tại trường Đại học An Giang. Trong đó:

Từ năm 2004 - 2010: Giảng viên - Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên - Trường Đại học An Giang.

Từ năm 2010 - 2013: Giảng viên, Tổ phó Phòng Thí nghiệm - Khoa Nông nghiệp - Tài nguyên Thiên nhiên - Trường Đại học An Giang.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ năm 2021 - 2024: Giảng viên chính, Phó trưởng Bộ phận Quản lý Khu Thí nghiệm - Thực hành - Trường Đại học An Giang.

Từ năm 2024 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng Bộ phận Quản lý Khu Thí nghiệm - Thực hành - Trường Đại học An Giang.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ phận quản lý Khu Thí nghiệm - Thực hành, Phòng Quản trị - Thiết bị; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ phận quản lý Khu Thí nghiệm - Thực hành, Phòng Quản trị - Thiết bị.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 18, đường Ung Văn Khiêm, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại cơ quan: +84 296 6256565.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Cửu Long.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 09 năm 2002; số văn bằng: B408328; ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Quản lý đất đai ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 27 tháng 12 năm 2010; số văn bằng: A001878; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Khoa học đất ; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 11 tháng 11 năm 2019; số văn bằng: 0000125; ngành: Nông nghiệp; chuyên ngành: Khoa học đất ; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành: Chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng 1, Trường Đại học Cần Thơ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chuyên ngành Khoa học đất và phân bón, ngành Nông nghiệp, liên ngành Nông nghiệp - Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dinh dưỡng đất cây trồng;
- Ứng dụng vi sinh vật có ích trong sản xuất nông nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 đề tài, trong đó: chủ nhiệm 01 đề tài cấp Đại học Quốc gia TP HCM (Loại B); chủ nhiệm 01 đề tài cấp cơ sở (cấp Trường); thành viên 02 đề tài cấp Đại học Quốc gia TP HCM (Loại C).
- Đã công bố được (số lượng) 153 bài báo khoa học, trong đó 45 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín và 108 bài đăng tạp chí trong nước.
- Đã được cấp 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, thuộc 01 nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Tháng/năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Số quyết định	Cấp quyết định
01/2022	Quyết định về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT cho cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019 – 2020 đến năm học 2020 - 2021.	115/QĐ-BGDĐT ngày 11/01/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo
05/2025	Quyết định về việc tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT cho cá nhân đạt thành xuất sắc năm học 2023 và năm 2024.	1315/QĐ - BGDDT ngày 16/05/2025	Bộ Giáo dục và Đào tạo

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Ứng viên có phẩm chất chính trị, tư tưởng vững vàng và chấp hành các quy định của Nhà nước và pháp luật. Đối với trong công việc, đầy nhiệt huyết, tác phong nghiêm túc, gương mẫu, hòa đồng với đồng nghiệp, sinh viên, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, phẩm chất đạo đức của nhà giáo. Hỗ trợ đồng nghiệp và xây dựng tình đoàn kết trong môi trường làm việc

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước và sinh sống. Luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của người nhà giáo trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được cấp trên giao.

- Từ năm 2005 đến nay: Ứng viên là giảng viên công tác tại Trường Đại học An Giang, nhiều năm liền đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiến thi đua cấp cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo cho cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Ứng viên luôn tích cực tham gia đề xuất, triển khai thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu ở nhiều cấp khác nhau, công bố nhiều công trình khoa học trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Vì vậy, ứng viên hy vọng mình đủ tiêu chuẩn của một nhà giáo để được xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2025.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 09 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015	0	0	0	0	150	0	150/150/112
2	2015-2016	0	0	0	0	180	0	180/180/112
3	2021-2022	0	0	0	0	90	45	135/135/108
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	0	0	90	90	180/180/108
5	2023-2024	0	0	0	0	135	75	210/210/108
6	2024-2025	0	0	2	0	105	112.5	217.5/217.5/94.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh ngữ.

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn: ☐ ThS hoặc luận án ☐ TS ☐ hoặc TSKH ; tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; số bằng: QH77202201433; năm cấp: 29/11/2024.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ trình độ tiếng Anh B2, số hiệu 0006719, do Trung tâm Đánh giá năng lực ngoại ngữ Trường Đại học Cần Thơ tổ chức.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Mai Chí Bảo (CH209824)		X	X		2022-2024	Trường Đại học An Giang	10/03/2025; số QH111202400030
2	Trần Chí Nhân (CH209833)		X	X		2022-2024	Trường Đại học An Giang	10/03/2025; số QH111202400033

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Cây bắp: Biện pháp canh tác cải thiện năng suất bắp ở đồng bằng sông Cửu Long	TK	Đại học Cần Thơ, 2022	5	-	24-163	Số: 854/GXN-ĐHAG, ngày 19/06/2025
2	Hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp: Nguyên lý và ứng dụng trên cây khóm tơ	TK	Đại học Cần Thơ, 2022	4	-	1-337	Số: 855/GXN-ĐHAG, ngày 19/06/2025

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình, dự án, đề tài,...)	Trách nhiệm (CN, PCN, TK)	Mã số, cấp quản lý	Quyết định giao nhiệm vụ (số, ngày tháng)	Thời gian thực hiện (tháng, năm đến tháng, năm...)	Văn bản nghiệm thu (văn bản, số, ngày tháng, năm)/Xếp loại kết quả
I	Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	ĐT: Tuyển chọn vi khuẩn có khả năng cố định đạm và phân giải lân liên kết với cây lúa cao sản trồng trên đất phèn tại tỉnh An Giang.	CN	16.01.TB, Trường Đại học An Giang	Quyết định giao nhiệm vụ NCKH cấp trường, số 1038/QĐ-ĐHAG, ngày 29/06/2016	29/06/2016 - 02/03/2018	Quyết định nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, số 438/QĐ-ĐHAG ngày 05/04/2018. Xếp loại: Tốt

II	Sau khi được công nhận PGS/TS					
2	ĐT: Ứng dụng vi khuẩn kháng mặn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía dưới dạng chế phẩm sinh học để hỗ trợ sinh trưởng của cây lúa và giảm thiểu thiệt hại năng suất lúa trên đất nhiễm mặn.	CN	B2021-16-02, Cấp ĐHQG TP. HCM (Đề tài loại B)	Hợp đồng thực hiện đề tài cấp KH&CN ĐHQG số B2021-16-02/HĐ-KHCN ngày 04/02/2021;	04/02/2021 - 21/07/2023	Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia, ngày 28/09/2023. Xếp loại: Tốt
3	ĐT: Thử nghiệm chế phẩm vi sinh để cải thiện độ phì nhiêu đất phù sa không được bồi trong canh tác cây bắp lai tại huyện An Phú, An Giang.	TG	C2021-16-05, Cấp ĐHQG TP. HCM (Đề tài loại C)	Hợp đồng thực hiện đề tài; số C2021-16-05/HĐ-KHCN, ngày 04/02/2021	04/02/2021 - 21/09/2023	Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia, ngày 22/02/2024. Xếp loại: Tốt
4	ĐT: Xây dựng quy trình nhân giống in vitro và ứng dụng các chế phẩm vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía trong canh tác cây bạc hà chanh sả (<i>Melissa officinalis</i>) tại tỉnh An Giang.	TG	C2022-16-01, Cấp ĐHQG TP. HCM (Đề tài Loại C)	Hợp đồng thực hiện đề tài; số C2022-16-01/HĐ-KHCN, ngày 25/03/2022	25/03/2022 - 18/10/2024	Giấy chứng nhận hoàn thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Đại học Quốc gia, ngày 16/05/2025. Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TG: Tham gia.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo khoa học	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Đáp ứng lân trên ngô lai và đánh giá phương pháp chiết lân hữu hiệu trong đất đồng bằng sông Cửu Long	2	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN: 0868-3743 (nay ISSN: 2525-2216)			35, 8-12	2010
2	Ảnh hưởng của biện pháp tưới nước tiết kiệm đến hiệu quả sử dụng đạm và năng suất lúa trên đất trồng lúa.	4	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN: 0868-3743 (nay ISSN: 2525-2216)			38, 82-84.	2011
3	Ảnh hưởng của kỹ thuật tưới luân phiên lên sự khoáng hóa đạm của đất phù sa trồng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long. https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/257	4		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			23a, 129-136	05/2012
4	Tính chất hóa học của đất phù sa trồng lúa ở vùng có đê bao tỉnh An Giang.	4	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			13, 32-35	07/2012
5	Ảnh hưởng của biện pháp quản lý nước đến tốc độ khoáng hóa đạm trên đất phèn trồng lúa.	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			CD Phát triển nông nghiệp bền vững, 27-32	11/2012
6	Isolation, identification and evaluation of the antagonistic effect of <i>Trichoderma</i> against <i>Fusarium</i> in-vitro.	5	X	Journal of Science – An Giang University, ISSN: 0866-8086			3, 38 – 47	2015

	https://ir.vnulib.edu.vn/flowpaper/simple_document.php?subfolder=48/40/79/&doc=48407982774990062645954157277857688453&bitsid=78d687ee-2142-4180-9856-200900d05d51&uid=							
7	Nghiên cứu cộng đồng vi sinh vật liên kết với thực vật trên đất phèn trồng màu ở đồng bằng sông Cửu Long.	6	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN: 0868-3743 (nay ISSN: 2525-2216)			46, 28-32	08/2015
8	Ảnh hưởng của luân canh đến sinh trưởng và năng suất bắp lai trên đất phù sa không bồi tại An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/824	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			15, 29-36	08/2015
9	Khả năng hấp thu NPK của cây bắp lai ở các mô hình luân canh trên đất phù sa không được bồi ở đồng bằng sông Cửu Long. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/862	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			17, 10-20	09/2015
10	Ảnh hưởng của vi khuẩn nội sinh thực vật đến năng suất khoai lang trên đất phèn. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/1073	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			3+4, 85-91	02/2016
11	Hiệu quả của phân hữu cơ sản xuất từ xác bã khoai lang phân hủy bằng vi sinh vật đến năng suất và hấp thu NPK của cây lúa ở đồng bằng sông Cửu Long. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/hieu-qua-cua-phan-huu-co-san-xuat-tu-xac-ba-khoai-lang-phan-huy-bang-vi-sinh-vat-den-nang	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			67, 6, 65-70	07/2016
12	Hiệu quả của vi khuẩn nội sinh <i>Burkholderia vietnamiensis</i> lên sinh trưởng và năng suất lúa trồng trên ba vùng đất phèn	5	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN:			44b, 1-8	07/2016

	Đồng bằng sông Cửu Long. http://dx.doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.459			1859-2333/ 2815-5599				
13	Hiệu quả của nhiễm vi khuẩn nội sinh thực vật lên sinh trưởng và năng suất sản trên đất phèn.	3	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			14, 8, 1198-1206	07/2016
14	Phân lập, tuyển chọn nấm <i>Trichoderma</i> spp. ở vùng rễ có khả năng phân giải xenluloza hiện trong đất phèn trồng màu ở đồng bằng sông Cửu Long.	5	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			49, 54-59	10/2016
15	So sánh bón phân đa – trung lượng đến sinh trưởng và năng suất bắp lai (<i>Zea mays</i> L.) trên đất phù sa không bồi và đất phù sa bồi ở Đồng bằng sông Cửu Long.	7		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			50, 26-35	04/2017
16	Khả năng hòa tan lân của vi khuẩn vùng rễ lúa trên đất phèn tỉnh An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/1751	6	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			13, 26-30	07/2017
17	Hiệu quả của vi khuẩn nội sinh thực vật lên năng suất khoai mỡ tím trồng trên đất phèn. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/hieu-quua-cua-vi-khuan-noi-sinh-thuc-vat-len-nang-suot-khoai-mo-tim-trong-tren-dat-phen	5	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			84, 11, 81-86	11/2017
18	Ảnh hưởng của vi khuẩn liên kết với thực vật đến năng suất củ khoai lang trên đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/2129	4	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			7, 26-30	04/2018
19	Enhancement of rice growth and yield in actual acid sulphate soils by potent acid-resistant <i>Rhodopseudomonas</i>	5		Plant and soil, ISSN/eISSN: 0032-079X/1573-5036	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR:	15	429, 483-501	08/2018

	<i>palustris</i> strains for producing safe rice. https://doi.org/10.1007/s11104-018-3705-7				1.14; IF: 4.36; Citescore 2018: 5.4; H-index: 225			
20	Tuyển chọn các dòng vi khuẩn nội sinh và vùng rễ lúa mùa nổi có khả năng cung cấp indol – 3 – axetic axit. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/2306	2	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			16, 78-85	08/2018
21	Đánh giá hiệu quả của bốn dòng vi khuẩn kháng nhôm và sắt lên cải thiện độ phì nhiêu đất và chất lượng đất phèn có sự hiện diện của cây lúa trong điều kiện nhà lưới.	5		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			53, 176-181	08/2018
22	Vai trò của vi khuẩn <i>Rhodospseudomonas palustris</i> để tăng hấp thu đạm và giảm tích lũy nhôm, sắt trong hạt lúa trên đất phèn vùng Tứ giác Long Xuyên.	6		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			55, 66-72	03/2019
23	Ảnh hưởng của chế phẩm hữu cơ vi sinh đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn Hòn Đất trong điều kiện nhà lưới. https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.048	6		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			55, CĐ: Công nghệ Sinh học, 89-94	04/2019
24	Hiệu quả của chế phẩm hữu cơ vi sinh chứa bốn dòng vi khuẩn <i>Rhodospseudomonas</i> sp. đối với hấp thu đạm, nhôm và sắt trong hạt lúa trồng trên đất phèn huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang ở điều kiện nhà lưới. https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.054	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			55, CĐ: Công nghệ Sinh học, 133-140	04/2019

25	Hiện trạng canh tác quýt đường tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/hien-trang-canhh-tac-quyt-duong-tai-xa-long-tri-thi-xa-long-my-tinh-hau-giang	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			102, 5, 87-92	05/2019
26	Tuyển chọn và đánh giá vi khuẩn nội sinh lúa mùa nổi có khả năng hòa tan photpho. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/2761	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			15, 17-22	08/2019
27	Phân lập, tuyển chọn và đánh giá khả năng hòa tan photpho của vi khuẩn phân lập từ đất vùng rễ lúa mùa nổi. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/2821	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			18, 24-29.	09/2019
28	Khảo sát hiện trạng canh tác quýt hồng tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/khao-sat-hien-trang-canhh-tac-quyt-hong-tai-huyen-lai-vung-tinh-dong-thap	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			108, 11, 146-150	08/2019
29	Phân lập và tuyển chọn vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía chịu được độc chất Al^{3+} từ đất phèn trồng lúa.	6		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			56, 23-28	09/2019
30	Đặc tính của phẫu diện đất phèn chuyên canh cây khóm và xen canh với cam sành, dừa tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.107	7		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			55, CD: Môi trường và Biến đổi khí hậu, 1-11	10/2019
II	Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
31	Tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây quýt đường có	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển			2, 10-15	01/2020

	khả năng hòa tan các dạng lân khó tan trong đất phèn. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/178?newpaperid=2			Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/ 2815-6153				
32	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh cây bắp lai có khả năng cung cấp dinh dưỡng cho cây trồng. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3000	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/ 2815-6153			3+4, 13-18	02/2020
33	Mechanisms of acid-resistant <i>Rhodopseudomonas palustris</i> strains to ameliorate acidic stress and promote plant growth. https://doi.org/10.1016/j.cab.2020.101520	6		Biocatalysis and Agricultural Biotechnology, ISSN: 1878-8181	ISI (ESCI); Scopus Q1; SJR: 0.67; CiteScore 2020: 3.9; IF: 4.259; H-index: 70	8	24, 1015 20	03/2020
34	Đặc điểm hình thái và hóa lý của phẫu diện đất phèn canh tác quýt đường (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3056	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/ 2815-6153			6, 30-40	03/2020
35	Sử dụng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía để cải thiện độ phì nhiêu và chất lượng đất phèn vùng Tứ giác Long Xuyên. https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-58-2020/	7		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			58, 25-30	03/2020
36	Đặc tính hình thái và hóa lý của phẫu diện đất phèn canh tác khóm tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2020.073	8		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, ISSN/eISSN: 1859-2333/ 2815-5599			56, CD Khoa học đất, 88-97	05/2020

37	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác lúa tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3156	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			11, 35-43	06/2020
38	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp trong đánh giá tình trạng dinh dưỡng khoáng NPK cho cây quýt đường tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	7		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			59, 55-60	06/2020
39	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh có khả năng cố định đạm và tổng hợp IAA từ rễ quýt đường. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3193	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			13, 18-23	07/2020
40	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây mía đường có khả năng cố định đạm và tổng hợp Indole Acetic Acid. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3223	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			14, 110-116	07/2020
41	Potential of Mn ²⁺ -resistant purple nonsulfur bacteria isolated from acid sulfate soils to act as bioremediators and plant growth promoters via mechanisms of resistance. http://dx.doi.org/10.1007/s42729-020-00303-0	8		Journal of Soil Science and Plant Nutrition, ISSN/eISSN: 0718-9508/0718-9516	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR: 0.734; CiteScore 2020: 3.6; IF: 3.458; H-index: 60	7	20, 2364-2378	07/2020
42	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác khóm tại xã Thạnh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3156	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			16, 3-10	08/2020

	ghiep.vn/tapchi/detail/3253							
43	Đặc điểm hình thái và hóa học của phẫu diện đất phù sa canh tác cam sành (<i>Citrus nobilis</i> L.) tại xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/193?newpaperid=2	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			17, 9-18	09/2020
44	Phân tích hiện trạng kỹ thuật canh tác cam sành tại huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/phan-tich-hien-trang-ky-thuat-can-h-tac-cam-san-h-tai-huyen-vung-liem-tinh-vinh-long	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			115, 6, 66-74	09/2020
45	Đánh giá hiện trạng canh tác thanh long trồng trên đất phèn tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/danh-gia-hien-trang-can-h-tac-thanh-long-trong-tren-dat-phen-tai-huyen-tam-binh-tinh-vinh	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			115, 6, 60-66	09/2020
46	Khảo sát hiện trạng canh tác cây khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) trên đất phèn tại huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/khao-sat-hien-trang-can-h-tac-cay-khom-ananas-comosus-l-tren-dat-phen-tai-huyen-long-my-tinh	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			117, 8, 109-115	09/2020
47	Tuyển chọn vi khuẩn nội sinh rễ cây mía đường có khả năng hòa tan lân. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/196?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			20, 35-41	10/2020
48	Khảo sát đặc điểm hình thái và hóa học phẫu diện đất nhiễm mặn của hệ	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển			21, 48-54	11/2020

	thống canh tác lúa tôm tại xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3352			Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153				
49	Đặc điểm của phẫu diện đất phèn trồng thanh long (<i>Hylocereus costaricensis</i> L.) tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/154?newpaperid=2	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			7,25-32	01/2021
50	Đánh giá hiệu quả của vi khuẩn vùng rễ cố định đạm đến cải thiện độ phì nhiêu đất và hấp thu đạm của cây mè trồng trên đất phù sa không được bồi. https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/danh-gia-hieu-qua-cua-vi-khuan-vung-re-co-dinh-dam-den-cai-thien-do-phi-nhieu-dat-va-hap	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			123, 2, 60-68	02/2021
51	Nghiên cứu xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp dinh dưỡng khoáng trung, vi lượng cho cây quýt đường tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.	6		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			62, 45-50	03/2021
52	Hiệu quả của chế phẩm vi sinh đến cải thiện sinh trưởng và năng suất bắp lai trồng trên đất phù sa không được bồi thu tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3501	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			5, 23-30	03/2021
53	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp δ -aminolevulinic axit để tăng sinh trưởng và năng suất lúa trồng trên đất mặn Hồng Dân-Bạc Liêu. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/159?newpaperid=2	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			7, 25-32	04/2021

54	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía đến sinh trưởng cây lúa trong điều kiện ô nhiễm As. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/160?newpaperid=2	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			8, 84-92	04/2021
55	Hiệu quả của vi khuẩn hòa tan lân <i>Rhodobacter sphaeroides</i> đến sinh trưởng và năng suất lúa trên đất mặn Hồng Dân-Bạc Liêu trong điều kiện nhà lưới. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/162?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			10, 16-23	05/2021
56	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn hòa tan lân, cố định đạm và tổng hợp IAA vùng rễ cây đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i>). https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2021-10/tc16_2.pdf	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			126, 5, 90-95	05/2021
57	Đặc tính hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn canh tác lúa kém hiệu quả tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/163?newpaperid=2	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			11, 83-94	06/2021
58	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm <i>Rhodobacter sphaeroides</i> đến năng suất lúa trồng trên đất mặn huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu trong điều kiện nhà lưới. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/164?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			12, 24-29	06/2021
59	Xác định đặc tính hình thái và hóa học phẫu diện đất phèn nhiễm mặn của hệ thống canh tác lúa-tôm tại xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.094	6		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			57, 3, 131-137	06/2021

60	Đặc điểm hình thái và hóa học của phẫu diện đất phèn nhiễm mặn trong hệ thống canh tác tôm-lúa tại xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. https://tapchidhnhue.vn/index.php/id20194/issue/view/14	7	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế ISSN: 2588-1256			2, 5, 2374-2383	06/2021
61	Khảo sát đặc điểm thổ nhưỡng của đất phù sa không bồi trồng mè tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. http://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-63-2021/	8		Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			63, 22-27	07/2021
62	Đặc điểm của đất phèn trồng khóm tại xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-63-2021/	7		Tạp chí khoa học đất, ISSN 2525-2216			63, 28-33	07/2021
63	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp δ-aminolevulinic acid và số lần tưới nước mặn đến sinh trưởng và năng suất lúa trồng trên đất mặn Thạnh Phú-Bến Tre. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/165?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			13, 14-20	07/2021
64	Đặc điểm của đất phèn trồng khóm vụ tơ tại xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/166?newpaperid=2	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			14, 21-26	07/2021
65	Ảnh hưởng của bổ sung nấm <i>Trichoderma</i> spp. đến độ phì nhiêu đất và hấp thu dưỡng chất N, P, K của quýt đường trên đất phèn tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/168?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			16, 3-12	08/2021

66	Hiệu quả của chế phẩm vi sinh chứa vi khuẩn hòa tan lân đến cải thiện sinh trưởng và năng suất ngô lai trồng trên đất phù sa trong đê tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang trong điều kiện nhà lưới. http://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2021/08/tap-chi-so-9.1.1.pdf	8		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004			9, 19, 1135-1142	09/2021
67	Phân lập, định danh và đánh giá khả năng gây hại của các chủng nấm <i>Fusarium</i> spp. gây bệnh héo rũ trên mè (<i>Sesamum indicum</i> L.) tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/169?newpaperid=2	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			17, 23-30	09/2021
68	Phân lập, tuyển chọn, định danh vi khuẩn cố định đạm và tổng hợp IAA từ rễ cây quýt hồng (<i>Citrus reticulata</i> Blanco) trồng tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/170?newpaperid=2	7	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			18, 21-28	09/2021
69	Ảnh hưởng của bổ sung nấm <i>Trichoderma</i> spp. phân hủy cellulose, đối kháng nấm <i>Fusarium</i> spp. đến sinh trưởng và năng suất quýt đường trồng trên đất phèn tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/170?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			18, 48-57	09/2021
70	Sử dụng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía có khả năng cung cấp exopolymeric để cải thiện sinh trưởng và năng suất lúa trong điều kiện đất mặn Thạnh Phú-Bến Tre.	8		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			64, 22-28	10/2021

	http://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-64-2021/							
71	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn nội sinh cố định đạm và tổng hợp IAA từ rễ cây cam sành tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/171?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			19, 26-31	10/2021
72	Ảnh hưởng của loại phân hữu cơ đến đặc tính đất và hấp thu dinh dưỡng N, P, K của cây quýt đường trên đất phèn tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/171?newpaperid=2	7	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			19, 42-49	10/2021
73	Đánh giá khả năng cung cấp dưỡng chất của đất phù sa trong đê, hấp thu NPK và đáp ứng năng suất mè đen (<i>Sesamum indicum</i> L.). https://ctujsvn.ctu.edu.vn/index.php/ctujsvn/article/view/4067	7		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ ISSN/eISSN: 1859-2333/2815-5599			57, 5B, 185-192	10/2021
74	Ảnh hưởng của vi khuẩn vùng rễ và nội sinh hoà tan lân đến sinh trưởng và năng suất cây mè trên đất phù sa trong đê. https://tapchi.vaas.vn/vi-tap-chi/anh-huong-cua-vi-khuan-vung-re-va-noi-sinh-hoa-tan-lan-den-sinh-truong-va-nang-suot-cay-me	8		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			131, 10, 65-73	10/2021
75	Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón và vi khuẩn cố định đạm vùng rễ đến sinh trưởng và năng suất của cây mè (<i>Sesamum indicum</i> L.). https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2021/11/tap-chi-so-12.2.3.pdf	5		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-0004			19, 12, 1586-1597	10/2021

76	Sử dụng kỹ thuật lô khuyết trong đánh giá đáp ứng năng suất của cây vừng đen (mè) (<i>Sesamum indicum</i> L.) trồng trên đất phù sa không được bồi. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3843	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			20, 58-64	10/2021
77	Phân tích hiện trạng canh tác khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3854	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			20, 135-140	10/2021
78	Ảnh hưởng của vi khuẩn vùng rễ và nội sinh cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất cây vừng (mè) (<i>Sesamum indicum</i> L.) trồng trên đất phù sa trong đê thu tại huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3860	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			21, 17-26	11/2021
79	Ảnh hưởng của phân hữu cơ và vôi đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng quýt đường trồng trên đất phèn tại xã Long Trị, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3900	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			23, 26-33	12/2021
80	Ảnh hưởng của bón N, P, K, Ca, Mg đến sinh trưởng và năng suất khóm tơ trồng ở điều kiện giảm mật độ trên đất phèn tại Vị Thanh-Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/176?newpaperid=2	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			24, 44-52	12/2021
81	Two strains of <i>Luteovulum sphaeroides</i> (purple nonsulfur bacteria) promote rice cultivation in saline soils by increasing available phosphorus.	11		Rhizosphere, eISSN: 2452-2198	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR: 0.741; CiteSco	6	20, 1004-56	12/2021

	https://doi.org/10.1016/j.rhisph.2021.100456				re 2021: 3.5; IF: 3.492; H-dex: 35			
82	Sàng lọc một số chủng <i>Trichoderma</i> sp. đối kháng với nấm <i>Fusarium</i> sp. gây bệnh thối thân, lá dứa (khóm).	8		Hội thảo quốc gia bệnh hại thực vật Việt Nam, ISBN: 978-604-60-3373-8			Hội thảo quốc gia bệnh hại thực vật Việt Nam lần thứ 20, 277-285	2021
Bài báo khoa học 03 năm cuối								
83	Đặc điểm của đất phèn trồng khóm vụ gốc tại thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/349?newpaperid=2	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			3+4, 72-77	02/2022
84	Ảnh hưởng của bón N, P, K, Ca, Mg đến sinh trưởng và năng suất dứa lưu gốc trên đất phèn tại Vị Thanh-Hậu Giang. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/anh-huong-cua-bon-n-p-k-ca-mg-den-sinh-truong-va-nang-suot-dua-luu-goc-tren-dat-phen-tai-vi	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			135, 2, 47-55	02/2022
85	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp dinh dưỡng N, P và K cho cây cam sành tại huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. https://tapchi.vaas.vn/vi/tapchi/xay-dung-he-thong-chan-doan-va-khuyen-cao-tich-hop-dinh-duong-	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			135, 2, 76-81	02/2022

	n-p-va-k-cho-cay-cam-sanh-tai							
86	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn nội sinh hòa tan lân và cố định đạm trên cây đinh lăng lá nhỏ (<i>Polyscias fruticosa</i> L. Harms). https://doi.org/10.26459/ueunijard.v13i13B	8		Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 2588-1191/2615-9708			131, 3B, 83-97	02/2022
87	Xác định hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp đối với dinh dưỡng N, P, K cho cây quyết đường. https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/xac-dinh-he-thong-chan-doan-va-khuyen-cao-tich-hop-doi-voi-dinh-duong-n-p-k-cho-cay-quyt	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			136, 3, 61-65	03/2022
88	Potential of endophytic phosphorus-solubilizing bacteria to improve soil fertility, P uptake, and yield of maize (<i>Zea mays</i> L.) cultivated in alluvial soil in dikes in Vietnam.	13		Bulgarian Journal of Agricultural Science, ISSN/eISSN: 1310-0351/2534-983X	ISI (ESCI); Scopus Q3; SJR: 0.2; CiteScore: 1.3; IF: 0.793; H-index: 30		28, 2, 217-228	04/2022
89	Đặc tính hóa học đất phèn trồng khóm (<i>Ananas comosus</i>) vụ tơ tại xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. https://tapchidhnhue.vn/index.php/id20194/article/view/666	5		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế ISSN: 2588-1256			6, 1, 2835-2840	04/2022
90	Potential of N ₂ -fixing endophytic bacteria isolated from maize roots as biofertiliser to enhance soil fertility, N uptake, and yield of <i>Zea mays</i> L. cultivated in alluvial soil in dykes.	11		Australian Journal of Crop Science, ISSN/eISSN: 1835-2693/1835-2707	Scopus Q3, SJR: 0.21; CiteScore 2022: 1.4; IF:	1	04, 16, 461-470	04/2022

	https://www.cropj.com/nguyen_16_4_2022_461_470.pdf				0.689; H-index: 57			
91	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm đến sinh trưởng và năng suất dưa lê Kim Cô Nương trồng trên đất phù sa trong đê. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/4034	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ ISSN: 1859-4581 eISSN: 2815-6153			8, 10-15	04/2022
92	Ảnh hưởng của vi khuẩn cố định đạm và các mức bón phân đạm đến sinh trưởng, năng suất và hấp thu đạm của cây bắp (<i>Zea mays</i> L). http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/355?newpaperid=2	6		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ ISSN: 1859-4581 eISSN: 2815-6153			10, 41-48	05/2022
93	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía cố định đạm đến sinh trưởng, năng suất và độ phì nhiêu đất trồng hành tím (<i>Allium ascalonicum</i> L.). http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/355?newpaperid=2	11		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ ISSN: 1859-4581 eISSN: 2815-6153			10, 67-74	05/2022
94	Enhancement of green soybean growth and yield in alluvial soil by potent N ₂ -fixing rhizospheric bacteria. https://doi.org/10.3923/pjbs.2022.549.559	10		Pakistan Journal of Biological Sciences; ISSN: 1028-8880 eISSN: 1812-5735	Scopus, Q3; SJR: 0.220; CiteScore 2022: 1.7; IF: 0.95; H-index: 53		25, 6, 549-595	06/2022
95	Xây dựng hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp đối với dinh dưỡng N, P, K cho cây quýt hồng (<i>Citrus reticulata</i> Blanco.) tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.	7		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;			6, 2, 3005-3010	06/2022

	https://tapchidhnlhue.vn/index.php/id20194/article/view/947			ISSN: 2588-1256				
96	Potential of potent purple nonsulfur bacteria isolated from rice-shrimp systems to ameliorate rice (<i>Oryza sativa</i> L.) growth and yield in saline acid sulfate soil. https://doi.org/10.1080/01904167.2022.2087089	11		Journal of Plant Nutrition; ISSN: 0190-4167; eISSN: 1532-4087	ISI (SCIE); Scopus Q2; SJR: 0.494; CiteScore 2022: 4.3 IF: 2.364; H-index: 91	3	3, 46, 473-494	06/2022
97	Effects of nitrogen fertilization and nitrogen fixing endophytic bacteria supplementation on soil fertility, N uptake, growth, and yield of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.) cultivated on alluvial soil in dykes. https://doi.org/10.1155/2022/1972585	12		Applied and Environmental Soil Science; ISSN: 1687-7667 eISSN:1687-7675	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.472; CiteScore 2022: 4.7; IF: 4,333 ; H-index: 35	5	2022, 1972 585, 12	06/2022
98	Effects of nitrogen fertilizer levels and N ₂ -fixing rhizosphere bacteria supplements, Enterobacter asburiae, on soil fertility, N uptake, growth and yield of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.) cultivated on alluvial soil in dyke. https://www.thaiscience.info/view_content.asp?id=10996601	9		International Journal of Agricultural Technology; eISSN: 2630-0192	Scopus Q4; SJR: 0.182; CiteScore: 0.7; IF: 0.46; H-index: 10		18,4, 1567-1586	07/2022
99	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn nội sinh cố định đạm trên cây đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> L. Harms).	8		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; ISSN: 1859-0004			7, 20, 863-872	07/2022

	https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2022/07/tap-chi-so-7.2.pdf							
100	Improvement of green soybean growth and yield in alluvial soil by endophytic nitrogen-fixing bacteria. https://scialert.net/fulltext/?doi=ajps.2022.272.282	9		Asian Journal of Plant Sciences; ISSN: 1682-3974 eISSN: 1812-5697	Scopus Q4; SJR: 0.196; IF 0.786; CiteScore 2022: 1.1; H-index: 38		21, 2, 272-282	07/2022
101	Use of potent acid resistant strains of <i>Rhodopseudomonas</i> spp. in Mn-contaminated acidic paddies to produce safer rice and improve soil fertility. https://doi.org/10.1016/j.sjill.2022.105393	11		Soil and Tillage Research, ISSN/eISSN: 0167-1987/1879-3444	ISI (SCIE); Scopus Q1, SJR: 1.732; CiteScore 2022: 12.7; IF: 7.417; H-index: 175	2	221, 1053 93	07/2022
102	Phân lập, tuyển chọn và định danh vi khuẩn cố định đạm nội sinh từ cây khóm trồng trên đất phèn Vị Thanh, Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/361?newpaperid=2	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153)			16, 32-41	08/2022
103	Ảnh hưởng của bón N, P, K, Ca, Mg đến đặc tính đất phèn trồng khóm tại Vị Thanh-Hậu Giang. https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-68-2022/	7		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			68, 18-25	08/2022
104	Tác dụng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía đến hàm lượng lân dễ tiêu của đất phù sa trong đê và năng	5	X	Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			68, 56-62	08/2022

	suất hành tím (<i>Allium ascalonicum</i> L.) https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-68-2022/							
105	Khảo sát đặc điểm của đất phèn trồng khóm vù gốc tại xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-68-2022/	6		Tạp chí khoa học đất, ISSN: 2525-2216			68, 122-128	08/2022
106	Norms establishment of the diagnosis and recommendation integrated system at preflowering in pineapple (<i>Ananas comosus</i> L.) and its verification in case of nutrient omission trial by two consecutive crops. https://doi.org/10.1080/00103624.2022.2138910	5		Communications in Soil Science and Plant Analysis, ISSN/eISSN: 0010-3624/1532-2416	ISI (SCIE); Scopus Q2; SJR: 0.416 ; CiteScore 2022: 3.0 IF: 1.607; H-index: 80	4	54, 9, 1198-1214	10/2022
107	Tiềm năng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía kháng cadmium đến sự nảy mầm và sinh trưởng cây lúa trong điều kiện nhiễm Cd. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/366?newpaperid=2	8	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			21, 3-9	11/2022
108	Tuyển chọn và định danh vi khuẩn hòa tan lân nội sinh từ cây khóm trồng trên đất phèn tại thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. https://doi.org/10.46826/huaf-jasat.v6n3y2022.948	9		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế ISSN: 2588-1256			6, 3, 3169-3179	12/2022

109	Thẩm định hệ thống chẩn đoán và khuyến cáo tích hợp (DRIS) để đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho cây khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) gốc trồng trên đất phèn tại Hậu Giang. https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2023-06/TC5-2023.pdf	9	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-1558			143, 1, 25-32	01/2023
110	Hiệu quả của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía dạng lỏng và nấm rễ cộng sinh cải thiện đặc tính đất, sinh trưởng và năng suất lúa trên đất phèn thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12062	9	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			1+2, 5-13	01/2023
111	Ảnh hưởng của vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía tiết exopolymeric đến sinh trưởng và năng suất lúa trong điều kiện đất mặn tại huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12082	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			3, 3-11	02/2023
112	Evaluation of the antagonistic potential of <i>Trichoderma spp.</i> against <i>Fusarium oxysporum</i> F.28.1A. https://doi.org/10.24425/jp.pr.2023.144502	8		Journal of Plant Protection Research, ISSN/eISSN: 1427-4345/1899-007X	ISI (ESCI); Scopus Q2, SJR: 0.31, CiteScore 2023: 2.1; IF 1.218; H-index: 34	3	63, 1, 13-26	02/2023
113	Điều chỉnh công thức phân cho cây khóm (<i>Ananas comosus</i> L.) vụ gốc trồng trên đất phèn tại huyện	9		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn,			5, 61-73	03/2023

	Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bằng phương pháp quản lý dưỡng chất theo địa điểm chuyên biệt. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12111			ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153				
114	Improvement of nutrient uptake, yield of black sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.), and alluvial soil fertility in dyke by spent rice straw from mushroom cultivation as biofertilizer containing potent strains of <i>Rhodopseudomonas palustris</i> . https://doi.org/10.1155/2023/1954632	7		The Scientific World Journal, ISSN/eISSN: 1537-744X/2356-6140	Scopus Q2; SJR: 0.526; IF: 2.294; CiteScore: 2023: 5.6; H-index: 127	2	2023, Article ID 1954632, 14	04/2023
115	Xác định ẩm độ phù hợp cho vật liệu trong quá trình sản xuất chế phẩm vi sinh chứa các dòng vi khuẩn cố định đạm nội sinh từ rễ cây bắp lai. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12166	7	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			9, 16-26	05/2023
116	Effects of phosphorus fertilizers and phosphorus-solubilizing rhizosphere bacteria on soil fertility, phosphorus uptake, growth, and yield of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.) cultivated on alluvial soil in dike. https://doi.org/10.1080/01490451.2023.2204860	8		Geomicrobiology Journal, ISSN/eISSN: 0149-0451/1521-0529	ISI (SCIE); Scopus Q2; SJR: 0.529; CiteScore: 4.8; IF: 2.674; H-index: 88	3	40, 6, 527-537	
117	Determining an appropriate leaf position to establish norms of diagnosis and recommendation integrated system for ratoon pineapple. https://doi.org/10.3923/ajps.2023.173.198	10		Asian Journal of Plant Sciences, ISSN/eISSN: 1812-3974/1682-3974	Scopus, Q4; SJR: 0.188; CiteScore: 2023: 1.4; IF: 0.786		22, 1, 173-198	05/2023

					H-index: 41			
118	Foundation and validation of diagnosis and recommendation integrated system norms for evaluating nutrient status of pineapple plants (<i>Ananas comosus</i> L.). http://dx.doi.org/10.21475/ajcs.23.17.06.p3936	6	X	Australian Journal of Crop Science, ISSN/eISSN: 1835-2693/1835-2707	Scopus Q3; SJR: 0.21; CiteScore 2023: 1.2; IF: 0.689; H-index: 57		17, 7, 600-607	05/2023
119	Isolation and characterization of novel potassium-solubilizing purple nonsulfur bacteria from acidic paddy soils using culture-dependent and culture-independent techniques. https://doi.org/10.1007/s42770-023-01069-0	8		Brazilian Journal of Microbiology, ISSN/eISSN: 1517-8382/1678-4405	ISI (SCIE); Scopus Q3; SJR: 0.507 CiteScore: 4.1; IF: 2.113; H-index: 87	4	54, 2333-2348	07/2023
120	Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh chứa các dòng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía cố định đạm, hòa tan lân đến sinh trưởng và năng suất đậu đen (<i>Vigna cylindrica</i> (L.) Skeels) trong điều kiện trồng trong chậu. https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2023/08/tap-chi-so-8.1.pdf	5	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859-0004			8, 21, 943-951	08/2023
121	The efficacy of 5-aminolevulinic acid-producing <i>Luteovulum sphaeroides</i> strains on saline soil fertility, nutrient uptakes and yield of rice. https://doi.org/10.3390/agriculture13091761	6		Agriculture; ISSN: 2077-0472	ISI (SCIE), Scopus Q1, SJR: 0.607, IF 3.494, CiteScore 2023: 4.9;		13, 9, 17-61	09/2023

					H-index: 66			
122	Khảo sát đặc tính đất trồng vú sữa (<i>Chrysophyllum cainito</i> L.) tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/145?newpaperid=2	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			17, 44-50	09/2023
123	Ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh chứa vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía cố định đạm, hòa tan lân đến sinh trưởng và sinh khối cây mồng tơi (<i>Basella alba</i> L.). https://doi.org/10.46826/huaf-jasat.v7n3y2023	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, ISSN: 2588-1256			7, 3, 3798-3806	10/2023
124	Ảnh hưởng của nấm <i>Trichoderma</i> spp. đến đặc tính đất phèn trồng khóm tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/699?newpaperid=2	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			22, 34-41	11/2023
125	Xác định tỷ lệ vật liệu phù hợp từ phụ phẩm nông nghiệp cho sản xuất chế phẩm vi sinh từ vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía cố định đạm. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/700?newpaperid=2	7	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			23, 32-43	12/2023
126	Phosphorus-solubilizing bacterial endophytes, <i>Burkholderia silvatlantica</i> L-VT09 and N-VT06 in improving characteristics of acid sulfate soil and pineapple yield. http://dx.doi.org/10.4067/S0718-58392023000600666	6		Chilean Journal of Agricultural Research, ISSN/eISSN: 0718-5820/0718-5839	ISI (SCIE); Scopus Q2; SJR: 0.368; IF: 1.976, CiteScore 2023: 3.0; H-index: 44	1	83, 6, 666-681	12/2023
127	Effects of biofertilizer supplementation, <i>Rhodopseudomonas</i> spp., on nitrogen and phosphorus uptakes, growth, and yield	8		Journal of Plant Nutrition, ISSN/eISSN:	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR:	2	47, 1, 1-17	01/2024

	of sesame (<i>Sesamum indicum</i> L.) on salt-affected soil. https://doi.org/10.1080/01904167.2023.2278646			0190-4167/ 1532-4087	0.494, IF: 2.364; CiteScore 2023: 4.4 H-index: 91			
128	Supplementation of P-solubilizing purple nonsulfur bacteria, <i>Rhodopseudomonas palustris</i> improved soil fertility, P nutrient, growth, and yield of <i>Cucumis melo</i> L. https://doi.org/10.1515/opa-2022-0247	9	X	Open Agriculture, eISSN: 2391- 9531	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.438; CiteScore: 3.8; IF: 1.641; H-index: 25	1	9, 1, 20220 247	01/2024
129	Increase of in-dyke alluvial soil fertility, growth and yield of maize (<i>Zea mays</i> L.) by potent <i>Rhodopseudomonas palustris</i> strains. https://doi.org/10.37501/soilsa/186457	5	X	Soil Science Annual, eISSN: 2300- 4975	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.37; IF: 1.742; CiteScore 2023: 2.5; Index: 17		75, 01, 18645 7	01/2024
130	Ảnh hưởng của nấm <i>Trichoderma</i> spp. đến hấp thu NPK và chất lượng trái khóm trồng trên đất phèn tại tỉnh Hậu Giang. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12587	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/ 2815-6153			1, 32- 45.	01/2024
131	Efficacy of bio-compost from pineapple waste couples with indigenous fungi strains <i>Trichoderma</i> spp. on soil fertility, nutrients uptake, growth, and yield of <i>Ananas comosus</i> (L.) Merr. https://doi.org/10.57647/j.irowa.2024.1302.22	8		International Journal of Recycling Organic Waste in Agriculture, ISSN/eISSN: 2195-3228/ 2251-7715	ISI (ESCI); Scopus Q2 SJR: 0.304 CiteScore: 2.1; IF: 2.929 H-Index: 37	1	13, 2, 13242 2 (1- 15)	03/2024

132	Improving nitrogen content in soil and lemon balm (<i>Melissa officinalis</i> L.) yield by purple nonsulfur bacteria <i>Rhodopseudomonas palustris</i> in two consecutive seasons. https://doi.org/10.1007/s10123-024-00515-9	11		International Microbiology, ISSN/eISSN: 1139-6709/1618-1905	ISI (SCIE); Scopus Q2 SJR: 0.639; IF: 2.94; CiteScore 2023: 5.5; H-Index: 74		27, 1821-1830	03/2024
133	The potency of a liquid biofertilizer containing bacterial strains of <i>Rhodopseudomonas</i> spp. on recovery of soil properties damaged by Al^{3+} and Fe^{2+} toxins and enhancement of rice yield in acid sulfate soil. https://doi.org/10.1080/15226514.2023.2253913	5		International Journal of Phytoremediation, ISSN/eISSN : 1522-6514/1549-7879	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR: 0.715 0.617; IF 3.653; CiteScore 2023: 7.6; H-index: 105	2	26, 4, 535-545	03/2024
134	Appraisal of the diagnosis and recommendation integrated system and nutrient status of pineapple (<i>Ananas Comosus</i> L.) growing fields. https://doi.org/10.1080/00103624.2024.2319807	4	X	Communications in Soil Science and Plant Analysis, ISSN/eISSN: 0010-3624/1532-2416	ISI (SCIE); Scopus Q2; SJR 0.416; IF: 1.607; CiteScore 2023:3.3 ;H-index: 80		55, 10, 1508-1538	03/2024
135	Isolating, selecting, and identifying Na^+ , H^+ , Al^{3+} , Fe^{2+} , Mn^{2+} -resistant purple non-sulfur bacteria solubilizing insoluble phosphorus compounds from salt-contaminated acid sulfate soil derived from rice-shrimp system. https://doi.org/10.21475/ajcs.24.18.04.PNE-07	5		Australian Journal of Crop Science, ISSN/eISSN: 1835-2693/1835-2707	ISI (SCIE); Scopus Q3; SJR: 0.21; IF: 0.689; CiteScore 2023: 1.2; H-Index: 57	4	18, 04, 192-199	04/2024

136	Xác định âm độ phù hợp trong sản xuất chế phẩm chứa các dòng vi khuẩn quang dưỡng không lưu huỳnh màu tía cố định đạm. http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/12675	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			8, 21-30	04/2024
137	Potency of endophytic nitrogen-fixing bacteria <i>Burkholderia tropica</i> L-VT08c and <i>Enterobacter cloacae</i> N-VT01 in improving soil fertility and pineapple yield on acid sulfate soil. https://doi.org/10.1016/j.scienta.2024.113153	7		Scientia Horticulturae, ISSN/eISSN: 0304-4238/1879-1018	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR: 0.833, IF: 4.536, CiteScore 2023: 8.6; Index: 145		331, 113153	05/2024
138	Effects of P-solubilizing bacteria <i>Cereibacter sphaeroides</i> ST16 and ST26 on soil fertility, P uptake, and rice yield grown on salt-affected soils under greenhouse conditions. https://doi.org/10.1007/s12892-024-00247-2	6		Journal of Crop Science and Biotechnology, ISSN/eISSN: 1975-9479/2005-8276	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.36, IF: 1.67, CiteScore 2023: 2.9; Index: 23		27, 509-523	05/2024
139	Phân lập, tuyển chọn vi khuẩn vùng rễ có khả năng cố định đạm, hoà tan lân và sản xuất IAA cho cây bưởi năm roi tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. http://www.tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/Lists/730?newpaperid=1	8		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN/eISSN: 1859-4581/2815-6153			Số đặc biệt 1-Sản xuất nông nghiệp xanh và an toàn, 112-119	06/2024
140	Purple nonsulfur bacteria <i>Rhodopseudomonas palustris</i> improve soil phosphorus availability and yield of lemon balm (<i>Melissa officinalis</i> L.) in alluvial soils via plant and tatoon seasons.	10	X	The Open Agriculture Journal, eISSN: 1874-3315	Scopus Q3; SJR: 0.296; CiteScore: 2.2; IF: 1.518;		18, e18743315316126	06/2024

	http://dx.doi.org/10.2174/0118743315316126240517051645				H-Index: 16			
141	Selecting phosphorus-solubilizing strains of purple nonsulfur bacteria isolated from pineapple cultivated acid sulfate soils. https://doi.org/10.55230/mabjournal.v53i2.2881	10		Malaysian Applied Biology, ISSN/eISSN: 0126-8643/2462-151X	ISI (ESCI); Scopus Q4; SJR: 0.149; CiteScore: 0.6; IF: 0.416; H-Index: 14		53, 2, 114-124	07/2024
142	Foundation and evaluation of a diagnosis and recommendation integrated system for star apple (<i>Chrysophyllum cainito</i> L.) https://doi.org/10.1080/01904167.2024.2342359	5	X	Journal of Plant Nutrition, ISSN/eISSN: 0190-4167/1532-4087	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.494, IF: 2.364; CiteScore 2023: 4.4 H-index: 91	2	47, 14, 2306-2322	08/2024
143	Establishment of a fertilizer formula for plant pineapple (<i>Ananas comosus</i> L.) cultivated in acid sulfate soil. https://doi.org/10.14456/apst.2024.60	5	X	Asia-Pacific Journal of Science and Technology, ISSN: 2539-6293	Scopus Q4; SJR: 0.147; IF: 0.838; CiteScore 2023: 0.9; H-index: 11		29, 04, 15	08/2024
144	The potential of phosphorus-solubilizing purple nonsulfur bacteria in agriculture: present and future perspectives. https://doi.org/10.1515/opag-2022-0328	5		Open Agriculture, ISSN: 2391-9531	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.438; CiteScore: 3.8; IF: 1.641; H-index: 25		9, 1, 20220328	08/2024

145	<i>Cereibacter sphaeroides</i> ST16 and ST26 were used to solubilize insoluble P forms to improve P uptake, growth, and yield of rice in acidic and extreme saline soil. https://doi.org/10.1515/opag-2022-0353	7		Open Agriculture, ISSN: 2391-9531	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.438; CiteScore: 3.8; IF: 1.641; H-index: 25		9, 1, 20220353	09/2024
146	Characterization of Novel Species of Potassium-Dissolving Purple Nonsulfur Bacteria Isolated from In-Dyked Alluvial Upland Soil for Maize Cultivation. https://doi.org/10.3390/life14111461	10		Life, ISSN: 2075-1729	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR: 0.71; IF 3.132; CiteScore 2023: 4.3; H-Index: 56		14, 11, 1461	11/2024
147	Effect of supplied salt concentrations in the nutrient solution during hydroponic production on phytochemicals and antioxidant activity of Ice plants (<i>Mesembryanthemum crystallinum</i> L.). https://doi.org/10.47278/journal.ijab/2024.190	5		International Journal of Agriculture and Biosciences, ISSN/eISSN: 2305-6622/2306-3599	Scopus, Q2; SJR:0.315 CiteScore: 1.8; H-Index: 6		14, 1, 59-67	11/2024
148	Determination of appropriate leaf positions to establish the diagnosis and recommendation integrated systems for plant pineapple (<i>Ananas comosus</i> L.) cultivated on acid sulfate soils. https://www.agrojournal.org/31/01-11.pdf	9		Bulgarian Journal of Agricultural Science, ISSN: 1310-0351	ISI (ESCI); Scopus Q3; SJR:0.2 ; CiteScore: 1.0; IF: 0.793; H-Index: 30		31, 1, 85–114	01/2025
149	Effectiveness of nitrogen-fixing bacteria <i>Rhodobacter sphaeroides</i> in soil–plant nitrogen and rice performance in extremely	10		Sustainability, ISSN: 2071-1050	ISI (SCIE); Scopus Q1; SJR:0.6		17, 5, 2228	03/2025

	saline acid sulfate soil over two consecutive seasons. https://doi.org/10.3390/su17052228				7; CiteScore: 6.8; IF: 4.166; H-Index: 169			
150	Strains of cellulose-degrading <i>Trichoderma</i> spp. were isolated and identified from acid sulfate soil for pineapple cultivation in Vi Thanh, Hau Giang province. https://doi.org/10.14719/pst.3936	10		Plant Science Today, eISSN: 2348-1900	ISI (ESCI) Scopus Q3; SJR:0.21; CiteScore: 1.5; IF: 0.832; H-Index: 15	1		03/2025
151	Application of nitrogen-fixing purple non-sulfur bacteria in improving nitrogen uptake, growth, and yield of rice grown on extremely saline soil under greenhouse conditions. https://doi.org/10.1515/open-2025-0425	10		Open Agriculture, ISSN: 2391-9531	ISI (ESCI); Scopus Q2; SJR: 0.438 CiteScore: 3.8 IF: 1.641 Index: 25		10, 20250425	03/2025
152	Isolating, characterizing, and utilizing <i>Trichoderma asperellum</i> to antagonize <i>Neurospora</i> spp. causing scab disease on King mandarin fruits (<i>Citrus sinensis</i>). https://doi.org/10.23960/jhptt.125141-157	11		Journal of Tropical Plant Pests and Diseases, ISSN: 1411-7525 eISSN: 2461-0399	Scopus Q3; SJR 2024: 0.238 CiteScore 2023: 0.9 IF: Index: 10		25, 1, 141-147	03/2025
153	Phosphate-solubilizing bacteria <i>Cereibacter sphaeroides</i> ST16 and ST26 enhanced soil phosphorus solubility, rice growth, and grain yield in acidic-contaminated saline soil. https://doi.org/10.3390/biology14040443	10		Biology, ISSN: 2079-7737	ISI (ESCI); Scopus Q1; SJR 2024: 0.888 CiteScore 2023: 5.7 IF:		14, 4, 443	04/2025

					5.021; Index 2024: 91			
--	--	--	--	--	-----------------------------	--	--	--

- Trong đó: **04** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau TS (số thứ tự): **118, 128, 129, 140**.

(118) Ly Ngoc Thanh Xuan, Tran Kim Anh, Le Thi Hong Diep, Tran Thi Bich Van, Le Thi My Thu, Nguyen Quoc Khuong. 2023. Foundation and validation of diagnosis and recommendation integrated system norms for evaluating nutrient status of pineapple plants (*Ananas comosus* L.). Australian Journal of Crop Science (ISSN: 1835-2693, eISSN: 1835-2707), 17(7): 600-607. **(Scopus Q3, IF= 0.689)**.

<http://dx.doi.org/10.21475/ajcs.23.17.06.p3936>

(128) Ly Ngoc Thanh Xuan, Nguyen Phuong Truc Huyen, Le Thi My Thu, Vo Thi Bich Thuy, Le Minh Tuan, Le Thanh Quang, Nguyen Thi Xuan Dao, Le Vinh Thuc, Nguyen Quoc Khuong. 2024. Supplementation of P-solubilizing purple nonsulfur bacteria, *Rhodopseudomonas palustris* improved soil fertility, P nutrient, growth, and yield of *Cucumis melo* L. Open Agriculture (eISSN: 2391-9531), 9 (1): 20220247. **(ESCI, Q2, IF= 1.641)**.

<https://doi.org/10.1515/opag-2022-0247>

(129) Ly Ngoc Thanh Xuan, Le Thi My Thu, Le Thanh Quang, Truong Kim Tu Long, Nguyen Quoc Khuong. 2024. Increase of in-dyke alluvial soil fertility, growth and yield of maize (*Zea mays* L.) by potent *Rhodopseudomonas palustris* strains. Soil Science Annual (eISSN: 2300-4975), 75(1):186457. **(ESCI, Q2, IF= 1.742)**.

<https://doi.org/10.37501/soilsa/186457>

(140) Ly Ngoc Thanh Xuan, Le Thi My Thu, Tran Chi Nhan, Nguyen Thanh Ngan, Le Hien Minh Tam, Le Van Dang, Nguyen Duc Trong, Le Thanh Quang, Nguyen Thi Thuy Diem, and Nguyen Quoc Khuong. 2024. Purple Nonsulfur Bacteria *Rhodopseudomonas palustris* Improve Soil Phosphorus Availability and Yield of Lemon Balm (*Melissa officinalis* L.) in Alluvial Soils via Plant and Ratoon Seasons. The Open Agriculture Journal (eISSN: 1874-3315), 18 (1): e18743315316126. **(Scopus, Q3, IF= 1.518)**.

<http://dx.doi.org/10.2174/0118743315316126240517051645>

- Trong đó: **03** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả liên hệ sau TS (số thứ tự): **134, 142 và 143**.

(134) Nguyen Quoc Khuong, Nguyen Huynh Minh Anh, Le Thanh Quang & **Ly Ngoc Thanh Xuan***. 2024. Appraisal of the diagnosis and recommendation integrated system and nutrient status of pineapple (*Ananas Comosus* L.) growing fields. Communications in Soil Science and Plant Analysis (ISSN/eISSN: 0010-3624/1532-2416). 55 (10) 1508-1538. **(SCIE, Scopus Q2, IF= 1.607)**.

- (142) Nguyen Quoc Khuong, Le Thi Ngoc Tho, Nguyen Huynh Minh Anh, Le Thanh Quang & **Ly Ngoc Thanh Xuan***. 2024. Foundation and evaluation of a diagnosis and recommendation integrated system for star apple (*Chrysophyllum cainito* L.). 2024. Journal of Plant Nutrition (ISSN/eISSN: 0190-4167/1532-4087), 47 (14): 2306–2322. (ESCI, Scopus Q2, IF= 2.364).

<https://doi.org/10.1080/01904167.2024.2342359>

- (143) Nguyen Quoc Khuong, Tran Thi Kim Nguyen, Doan Nguyen Thien Thu, Le Thanh Quang & **Ly Ngoc Thanh Xuan***. 2024. Establishment of a fertilizer formula for plant pineapple (*Ananas comosus* L.) cultivated in acid sulfate soil. Asia-Pacific Journal of Science and Technology (ISSN: 2539-6293), 29 (04) APST-29-04-09. (Scopus Q4, IF= 0.838).

<https://doi.org/10.14456/apst.2024.60>

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	-	-	-	-	-

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
...						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: đủ

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS: đủ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:** Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm
trước pháp luật.

An Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lý Ngọc Thanh Xuân